TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **131**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 05 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1989

Địa chỉ: 324, khu phố 4, Phường 7, thành phố B, tỉnh B

2. Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1989

Địa chỉ: 183F, khu phố 2, phường Phú K, thành phố B, tỉnh B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 30/01/2023, Bản tự khai các đương sự thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Phương Ng, sinh ngày 03/7/2011. Bà Lê Thị Thanh T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Lê Phương Ng. Ông Nguyễn Hữu N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Thanh T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Lê Phương Ng, sinh ngày 03/7/2011. Bà Lê Thị Thanh T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Lê Phương Ng. Ông Nguyễn Hữu N cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Hữu N được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Thanh T đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn)\, ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Thanh T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002834 ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông N, bà T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND phường Phú Khương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở